TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN** Bản án số: 08/2024/ HNGĐ - ST Ngày 29 - 3 - 2024 "*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Khuê**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hệ**

Ông **Vũ Văn Hạnh**

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thảo My – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2023/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1999

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt).

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1995

HKTT: thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. (có đơn xin vắng mặt).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 16/3/2018;

+ Cháu Nguyễn An B, sinh ngày 08/10/2019;

Đại diện theo pháp luật theo pháp luật cho cháu Bình A và cháu An B là chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H là bố, mẹ đẻ của các cháu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H tự tìm hiểu quen biết nhau rồi yêu nhau sau đó xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa

phương. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 07/02/2018. Sau khi đăng ký kết hôn xong và tổ chức lễ cưới hỏi xong vợ chồng chị về chung sống tại nhà của anh H tại thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Ban đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, cuộc sống có xảy ra một vài mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng vẫn tự giải quyết được với nhau. Tuy nhiên từ năm 2020 cho đến nay cuộc sống vợ chồng chị không còn hòa thuận, hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do giữa hai người bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của hai vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều khiến cuộc sống gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện với chồng để hàn gắn tình cảm nhưng đều không được. Đỉnh điểm đến tháng 01/2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng sinh sống còn anh H vẫn sống tại thôn Tính Linh, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chị ly thân từ đó tới nay, khi ly thân chị và anh H không liên lạc, không nói chuyện quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn của vợ chồng chị hai bên gia đình có biết, hai bên ông bà có tham gia ý kiến với vợ chồng chị nhưng chị vẫn quyết định xin ly hôn với anh H.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên không tiến hành hòa giải việc của anh, chị, chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để anh, chị sớm ổn định cuộc sống.

- *Về con chung:* Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 16/3/2018 và Nguyễn An B, sinh ngày 08/10/2019. Cháu An B hiện đang ở với chị tại: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và cháu Bình A hiện đang ở với anh H tại thôn Tính Linh, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu An B và giao cháu Bình A cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung, công nợ*; *công sức; ruộng canh tác*: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau rồi yêu nhau sau đó xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 07/02/2018. Sau khi vợ chồng đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới hỏi xong thì vợ chồng anh về chung sống tại nhà anh tại thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Ban đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận, cuộc sống có xảy ra một vài mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng vẫn tự giải quyết được với nhau. Đến cuối năm 2020 anh đi lao động ở Đài Loan khoảng 2 năm 8 tháng thì về nước. Sau khi về nước anh vào Bình Dương làm, khoảng đầu năm 2021 chị T có xin anh về nhà bố mẹ đẻ ở xã

T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng chơi, rồi từ đó chị T ở lại nhà bố, mẹ đẻ luôn không về ngoài này nữa. Khi đi chị T mang theo cả hai con đi cùng, sau đó năm 2022 mẹ anh phải vào Lâm Đồng đón một cháu là Nguyễn Bình A ra ở với bố mẹ anh. Trong thời gian từ 2021 đến nay anh và chị T chỉ nhắn tin cho nhau qua mạng facebook, anh gọi cho chị T về nhưng chị T nhất quyết không về. Khoảng tháng 8 năm 2023 anh vào đó tìm chị T, nhưng chị T không gặp anh, không cho anh gặp con nên sau đó anh không vào nữa.

Đến nay anh xác định giữa anh và chị T tình cảm không còn, thời gian ly thân đã lâu, vợ chồng không có giải pháp gì để về đoàn tụ. Nay chị T nhất quyết ly hôn anh cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 16/3/2018 và Nguyễn An B, sinh ngày 08/10/2019. Cháu An B hiện đang ở với chị T tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Còn cháu Bình A hiện đang ở với anh tại thôn Tính Linh, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Trong trường hợp ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cháu Bình A và giao cháu An B cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, hai bên được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung; công nợ; *công sức; ruộng canh tác*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tổ chức họp công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện thôn Tính Linh, xã T cung cấp: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1999; HKTT: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1995; HKTT: thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên có kết hôn và chung sống cùng gia đình tại đội 4, thôn Đ, xã T, thành phố H. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn của chị T, anh H không qua hòa giải tại địa phương nên địa phương không nắm được cụ thể. Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 16/3/2018 và Nguyễn An B, sinh ngày 08/10/2019. Cháu A hiện đang sống với bố và ông bà nội tại thôn Tính Linh, xã T còn cháu B hiện đang sống với chị T tại tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên toà hôm nay: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm thể hiện tại văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố

tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung*: Chị T, anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 16/3/2018 và Nguyễn An B, sinh ngày 08/10/2019. Cháu B hiện đang ở với chị T tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Còn cháu A hiện đang ở với anh H tại thôn Tính Linh, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Đề nghị giao cháu B cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu A cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự thống nhất không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H có HKTT: Thôn Tính Linh, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024. Tại phiên tòa chị T và anh H đều có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/02/2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 10/2018. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì đến khoảng cuối năm 2020 anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị có một thời gian dài không sống cùng nhau. Anh H sang Đài Loan lao động, sau khi đi Đài Loan về lại vào Bình Dương làm ăn nên anh chị không sống cùng nhau, mỗi người một nơi. Bởi xa nhau do khoảng cách địa lý trong một thời gian dài, ngoài ra trong cuộc sống vợ chồng anh chị có quan điểm và suy nghĩa khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là khoảng năm 2021 chị T về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng sống, mang theo cả hai con chung, anh chị chính thức ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không gặp mặt, không ai quan tâm tới ai, kinh tế độc lập do vậy mâu thuẫn, tình cảm không thể hàn gắn.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa

thuận khác. Bản thân anh H và chị T mỗi người sống một nơi, nay cả hai đều xác định vợ chồng không còn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh, chị cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tại phiên toà.

[3]. *Về con chung*: Anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 16/3/2018 và Nguyễn An B, sinh ngày 08/10/2019. Cháu An B hiện đang ở với chị T tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Còn cháu Bình A hiện đang ở với anh H tại thôn Tính Linh, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn An B, do hiện nay cháu An B đang ở với chị T. Anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình A, hiện cháu Bình A đang ở với anh H. Để ổn định cuộc sống, học tập và theo nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 16/3/2018 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn An B, sinh ngày 08/10/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, các bên được quyền đi lại thăm con chung không ai được ngăn cản.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ nần*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện VKSND thành phố Hưng Yên tại phiên tòa về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Bình A, sinh ngày 16/3/2018 cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn An B, sinh ngày 08/10/2019 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chung chị T và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001569 ngày 11/10/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;*
- *VKS + THA TP;*
- *UBND xã, (phường) Trung Nghĩa*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đăng Khuê